

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/DS-PT.

Ngày 17/10/2019

V/v: "*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hà;

Ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng- Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn- KSV trung cấp.

Ngày 17/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2019/TLPT- DS ngày 19/9/2019 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 159/2019/QĐ-PT ngày 02/10/2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Dương Quang Ch, sinh năm 1966, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Ngọc S, xã Quang Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Ông Cao Xuân H, sinh năm 1958, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã An H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1960- Vợ ông H, (có mặt);

Địa chỉ: Thôn M, xã An H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Dương Quang Ch đã trình bày: Ông quen ông H do ông H làm ở cơ quan gần nhà ông. Ngày 23/5/2017, ông H đã vay của ông số tiền là 150.000.000đ. Hai bên đã lập Giấy biên nhận vay tiền được lập theo mẫu có nội dung: Ông H vay của ông số tiền gốc là 150.000.000đ; mục đích vay tiền là để trả nợ trong gia đình; lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng = 3.000.000đ/tháng; thời hạn vay là 12 tháng kể cả ngày vay, hạn trả cuối cùng tiền lãi và tiền vay gốc là ngày 23/5/2018. Sau khi ông H nhận đủ số tiền 150.000.000đ, ông H đã ghi thêm ở dưới mục “Người vay tiền” là: “Tôi đã nhận đủ số tiền 150.000.000đ tiền mặt của anh Dương Quang Ch như đã ghi ở trên” và ông H đã ký tên. Tại mục “người liên quan bên vay tiền” thì ông H ký hộ tên vợ ông H là bà Đỗ Thị A. Vì lúc đó không có mặt vợ ông H ở đó. Ngày 23/6/2018, ông H đã trả được cho ông số tiền lãi là 2.000.000đ. sau đó ông H không trả tiền cho ông nữa. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông H phải trả tiền cho ông nhưng ông H không đồng ý. Nay, ông yêu cầu ông H phải trả cho ông 150.000.000đ tiền gốc và tiền lãi của số tiền trên theo mức lãi suất là 20%/năm tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử. Việc ông H đã trình bày khoản tiền vay trên xuất phát từ khoản vay 10.000.000đ mà ông H đã vay của ông từ năm 2009 là không đúng. Trước ngày 23/5/2017 thì ông H có một vài lần vay tiền của ông nhưng ông H cũng đã trả hết các khoản vay này rồi. Khoản tiền mà ông đã cho ông H vay là tiền riêng của ông. Ông đề nghị Tòa án không đưa vợ ông là bà Vũ Thị Lý vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Bị đơn là ông Cao Xuân H đã trình bày: Ông công tác tại Hạt đường bộ-Công ty cổ phần quản lý đường bộ 236 gần nhà của ông Dương Quang Ch nên ông đã quen ông Ch. Năm 2009, ông có vay của ông Ch số tiền 10.000.000đ, lãi suất là 10%/ngày (tức là 100.000đ/1triệu/1ngày), mục đích vay tiền của ông Ch là để ông có việc riêng; thời hạn vay là 03 tháng. Do ông không có tiền trả cho ông Ch nên cứ 03 tháng một lần ông Ch lại cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc rồi ông Ch lại viết giấy biên nhận mới. Ông Ch đã tính từ ngày ông vay tiền đến năm 2011 thì số nợ của ông với ông Ch là 68.000.000đ. Ngày 23/5/2017, ông Ch đã gọi ông đến nhà ông Ch và ông Ch đã viết Giấy biên nhận theo mẫu sẵn và tính tiền lãi của khoản tiền 68.000.000đ từ năm 2011 đến ngày 23/5/2017 với mức lãi là 2%/tháng thành tổng số tiền là 150.000.000đ. Ông Ch đã đọc cho ông viết thêm vào giấy biên nhận vay tiền có nội dung như ông Ch đã trình bày, ông đã ký tên vào Giấy biên nhận

chứ thực chất thì ông không được nhận số tiền 150.000.000đ của ông Ch. Các tài liệu, chứng cứ để chứng minh về việc ông nợ ông Ch số tiền gốc 150.000.000đ xuất phát từ khoản vay 10.000.000đ mà ông đã vay của ông Ch từ năm 2009 thì ông không có để cung cấp cho Tòa án. khi 2 bên lập Giấy vay tiền này cũng chỉ có 2 người là ông và ông Ch mà không có người làm chứng. Vì ông vay tiền của ông Ch để chi tiêu cá nhân nên ông xác định vợ và các con của ông đều không không liên quan gì đến việc này. Ông cũng thừa nhận ông đã trả cho ông Ch số tiền lãi là 2.000.000đ như ông Ch đã trình bày. Nay, ông Ch yêu cầu ông trả cho ông Ch số tiền gốc là 150.000.000đ và số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày vay đến khi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/5/2019) thì ông không đồng ý. Ông đồng ý trả cho ông Ch 75.000.000đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị A trình bày: Bà là vợ ông H. Việc vay mượn tiền giữa ông H và ông Ch thì bà không được biết. Đến cuối năm 2018, ông Ch đến nhà bà tìm gặp ông H để đòi tiền thì bà mới biết việc vay mượn tiền giữa ông H và ông Ch. Ông H vay tiền của ông Ch thì không mang về để sử dụng vào mục đích chung của gia đình mà ông H đã sử dụng chi tiêu cá nhân. Việc ông H nợ tiền ông Ch là trách nhiệm riêng của ông H. Vì vậy bà không có trách nhiệm liên đới cùng ông H trả tiền cho ông Ch. Bà đề nghị xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Quang Ch.

Buộc ông Cao Xuân H phải thanh toán trả cho ông Dương Quang Ch số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng; tiền nợ lãi là 65.000.000đ, tổng cộng: 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/8/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm.

Về án phí DSST:

Ông Cao Xuân H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Dương Quang Ch số tiền 5.200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0007233 ngày 07/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, quyền thi hành án và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Ngày 22/8/2019, ông Cao Xuân H nộp đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử về việc phải trả tiền cho ông Ch.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Quang Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Cao Xuân H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Cao Xuân H đã trình bày: Năm 2009, ông có vay của ông Ch số tiền 10.000.000đ, lãi suất là 10%/ngày (tức là 100.000đ/1triệu/1ngày), mục đích vay tiền của ông Ch là để ông chi tiêu việc riêng; thời hạn vay là 03 tháng. Do ông không có tiền trả cho ông Ch nên cứ 03 tháng một lần ông Ch lại cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc rồi ông Ch lại viết giấy biên nhận mới. Ông Ch đã tính từ ngày ông vay tiền đến năm 2011 thì số nợ của ông với ông Ch là 68.000.000đ. Ngày 23/5/2017, ông Ch đã gọi ông đến nhà ông Ch và ông Ch đã viết Giấy biên nhận theo mẫu sẵn và tính tiền lãi của khoản tiền 68.000.000đ từ năm 2011 đến ngày 23/5/2017 với mức lãi là 2%/tháng thành tổng số tiền là 150.000.000đ. Ông Ch đã đọc cho ông viết thêm vào giấy biên nhận vay tiền có nội dung như ông Ch đã trình bày, ông đã ký tên vào Giấy biên nhận chứ thực chất thì ông không được nhận số tiền 150.000.000đ của ông Ch. Ông chỉ đồng ý trả cho ông Ch 10.000.000đ và tiền lãi của số tiền trên theo mức lãi suất là 1%/tháng từ năm 2009 đến nay.

Ông Dương Quang Ch đã trình bày: Ông không nhất trí với ý kiến của ông H đã trình bày. Việc ông H nói rằng khoản vay 150.000.000đ xuất phát từ khoản vay 10.000.000 của ông Ch từ năm 2009 đến nay và được ông tính lãi mẹ đẻ lãi con nhưng ông Hồng không có chứng cứ chứng minh. Tại Giấy biên nhận ông H cũng đã thừa nhận là: Tôi đã nhận đủ số tiền 150.000.000đ tiền mặt của anh Dương Quang Ch như đã ghi ở trên”. Như vậy, ông Ch kháng cáo là không có căn cứ.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Xuân H: Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Dương Quang Ch xuất trình Giấy biên nhận có nội dung: “Ngày 23/5/2017, ông Cao Xuân H đã vay của ông Ch số tiền gốc là 150.000.000đ; mục đích vay tiền là để trả nợ trong gia đình; lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng = 3.000.000đ/tháng; thời hạn vay là 12 tháng kể cả ngày vay, hạn trả cuối cùng tiền lãi và tiền vay gốc là ngày 23/5/2018”. Dưới mục “Người vay tiền” trong “Giấy biên nhận” có nội dung: “Tôi đã nhận đủ số tiền 150.000.000đ tiền mặt của anh Dương Quang Ch như đã ghi ở trên” và ký tên “Cao Xuân H”.

Ngày 23/6/2018, ông H đã trả được cho ông Ch số tiền lãi là 2.000.000đ. Ông Ch đã nhiều lần yêu cầu ông H trả tiền cho ông Ch nhưng không có kết quả. Nay, ông Ch yêu cầu ông H phải trả cho ông Ch 150.000.000đ tiền gốc và tiền lãi của số tiền trên theo mức lãi suất là 20%/ năm tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ông H thừa nhận có viết và ký tên vào Giấy biên nhận vay tiền do ông Ch xuất trình nhưng ông H không thừa nhận về việc ông H đã được ông Ch đưa cho ông H số tiền 150.000.000đ. Ông H đã trình bày: Số tiền 150.000.000đ là số tiền lãi được cộng dồn từ số tiền gốc 10.000.000đ mà ông H đã vay của ông Ch từ năm 2009 theo mức lãi suất 10%/ngày (tức là 10.000đ/1triệu/1ngày). Mục đích là để ông H chi tiêu cá nhân; thời hạn vay là 03 tháng. Do ông H không có tiền trả cho ông Ch nên cứ 03 tháng một lần ông Ch lại cộng dồn tiền lãi vào gốc rồi viết giấy biên nhận mới. Ông Ch đã tính tiền lãi từ ngày ông H vay tiền (năm 2009) đến năm 2011 thì số tiền gốc và tiền lãi là 68.000.000đ. Ngày 23/5/2017 ông H và ông Ch chốt nợ với nhau. Ông Ch đã tính tiền lãi của số tiền 68.000.000đ từ năm 2011 đến ngày 23/5/2017 với mức lãi là 2%/tháng thành tổng số tiền 150.000.000đ. Do ông H không có tiền trả cho ông Ch nên ông H đã ký nhận vào Giấy biên nhận tiền này chứ thực chất thì ông H không được nhận số tiền 150.000.000đ của ông Ch.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L đã xử buộc ông H phải trả cho ông Ch số tiền gốc là: 150.000.000đ; tiền lãi là 65.000.000đ. Tổng tiền gốc và tiền lãi ông H phải trả cho ông Ch là: 215.000.000đ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H nộp đơn kháng cáo không đồng ý trả cho ông Ch số tiền 215.000.000đ vì lý do ông H không được nhận số tiền 150.000.000đ của

ông Ch mà do ông Ch đã tính lãi của số tiền gốc 10.000.000đ mà ông H đã vay của ông Ch từ năm 2009 đến nay.

Xét kháng cáo của ông Cao Xuân H về việc ông H không đồng ý trả tiền cho ông Ch, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét về số tiền gốc thì thấy: Ông H không thừa nhận có vay của ông Ch số tiền 150.000.000đ vì ông H cho rằng ông H không được ông Ch đưa cho ông H số tiền trên. Tuy nhiên tại mục : “Người vay tiền” trong “Giấy biên nhận” có nội dung: “Tôi đã nhận đủ số tiền 150.000.000đ tiền mặt của anh Dương Quang Ch như đã ghi ở trên”. Ông H cũng đã thừa nhận chữ ký và chữ viết của mình trong Giấy biên nhận vay tiền. Ông H không đưa ra được căn cứ chứng minh số tiền 150.000.000 đồng là được ông Ch cộng dồn số tiền lãi của số tiền gốc 10.000.000 đồng mà ông H đã vay của ông Ch từ năm 2009. Do vậy lời trình bày của ông H là không có căn cứ. Cần phải xác định: Ngày 23/5/2017, ông Ch và ông H đã thiết lập quan hệ hợp đồng vay tài sản có thời hạn (12 tháng) và có lãi (lãi thỏa thuận là 2%/1 tháng) được quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Trong đó ông H đã vay của ông Ch số tiền gốc là 150.000.000đ.

Xét về số tiền lãi mà các bên đã thỏa thuận thì thấy: Tại Giấy biên nhận vay tiền và tự nguyện trả lãi ngày 23/5/2017, giữa ông Ch và ông H có thỏa thuận mức lãi suất là 2%/tháng tức 24%/năm là vượt quá 04%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất cần được chấp nhận là 20%/năm. Mức lãi suất này là cũng phù hợp với mức lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của ông Ch.

Số tiền lãi của số tiền gốc 150.000.000đ được tính từ ngày vay 23/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/8/2019 (là 02 năm 02 tháng 24 ngày) với mức lãi suất 20%/năm là:

$(150.000.000đ \times 20\%/năm \times 2năm + (150.000.000đ \times 20\%/12tháng \times 2tháng) + (150.000.000đ \times 20\%/360ngày \times 24ngày)) = 67.000.000đ$. Khấu trừ đi số tiền lãi 2.000.000đ mà ông H đã trả cho ông Ch ngày 23/6/2018 thì ông H còn nợ ông Ch số tiền lãi là 65.000.000đ. Tổng số tiền gốc và tiền lãi mà ông H phải trả cho ông Ch là 215.000.000đ.

Như vậy, kháng cáo của ông H không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo sự phân tích đã nêu ở trên.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Xuân H, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Quang Ch.

Buộc ông Cao Xuân H phải trả cho ông Dương Quang Ch tổng tiền gốc và tiền lãi là: 215.000.000đ (hai trăm mười lăm triệu đồng chẵn). Trong đó số tiền gốc là 150.000.000đ; tiền lãi là 65.000.000đ.

Về án phí DSST:

- Ông Cao Xuân H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả ông Dương Quang Ch số tiền 5.200.000đ (năm triệu hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0007233 ngày 07/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Về án phí DSPT:

Ông Cao Xuân H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

-VKSND tỉnh Bắc Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Toà án nhân dân huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

Đã xử
Phạm Thị Minh Hiền